

Phụ lục I
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung								Ghi chú
		Trung ương giao			Địa phương giao					
					Giao đợt này			Chưa giao (*)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
	Tổng số	135,670	72,483	63,187	129,870	66,683	63,187	5,800	5,800	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	13,803	13,803		8,003	8,003		5,800	5,800	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	121,867	58,680	63,187	121,867	58,680	63,187			

Ghi chú: (*) Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng phương án phân bổ (sau khi đảm bảo điều kiện theo quy định), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo điều kiện theo quy định.

Phụ lục II
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung									Ghi chú
		Tổng 02 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025			
		TỔNG SỐ	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng cộng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng cộng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
TỔNG SỐ		129,870	66,683	63,187	8,003	8,003		121,867	58,680	63,187	
I	CẤP TỈNH	65,187	2,000	63,187	2,000	2,000		63,187		63,187	
1	Sở Y tế	63,187		63,187				63,187		63,187	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	1,200	1,200		1,200	1,200					
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	800	800		800	800					
II	CẤP HUYỆN	64,683	64,683		6,003	6,003		58,680	58,680		
1	Huyện Đăk Glei	2,084	2,084		1,159	1,159		925	925		
2	Huyện Đăk Hà	3,003	3,003		536	536		2,467	2,467		
3	Huyện Đăk Tô	6,565	6,565		640	640		5,925	5,925		
4	Huyện Ia H'Drai	572	572		264	264		308	308		
5	Huyện Kon Plông	1,578	1,578		653	653		925	925		
6	Huyện Kon Rẫy	7,809	7,809		408	408		7,401	7,401		
7	Huyện Ngọc Hồi	8,767	8,767		132	132		8,635	8,635		
8	Huyện Sa Thầy	2,017	2,017		783	783		1,234	1,234		
9	Huyện Tu Mơ Rông	26,404	26,404		1,404	1,404		25,000	25,000		
10	Thành phố Kon Tum	5,884	5,884		24	24		5,860	5,860		

Phụ lục III

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ
MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)
DVT: Triệu đồng*

TT	Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Ghi chú
TỔNG SỐ		8,003	
I	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	8,003	
I.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8,003	
(a)	Cấp tỉnh	2,000	
1	Sở Thông tin và Truyền thông	1,200	
2	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	800	
(b)	Cấp huyện	6,003	
1	Huyện Đắk Glei	1,159	
2	Huyện Đắk Hà	536	
3	Huyện Đắk Tô	640	
4	Huyện Ia H'Drai	264	
5	Huyện Kon Plông	653	
6	Huyện Kon Rẫy	408	
7	Huyện Ngọc Hồi	132	
8	Huyện Sa Thầy	783	
9	Huyện Tu Mơ Rông	1,404	
10	Thành phố Kon Tum	24	

Phụ lục IV

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung					Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó					
			Vốn trong nước	Bao gồm				Vốn nước ngoài (thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn)
				Phân bổ chung, theo tiêu chí, hệ số	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Hỗ trợ huyện "trắng xã nông thôn mới"		
TỔNG SỐ		121,867	58,680	28,680	5,000	25,000	63,187	
I	CẤP TỈNH	63,187					63,187	
1	Sở Y tế	63,187					63,187	
II	CẤP HUYỆN	58,680	58,680	28,680	5,000	25,000		
1	Huyện Đăk Glei	925	925	925				
2	Huyện Đăk Hà	2,467	2,467	2,467				
3	Huyện Đăk Tô	5,925	5,925	925	5,000			
4	Huyện Ia H'Drai	308	308	308				
5	Huyện Kon Plông	925	925	925				
6	Huyện Kon Rẫy	7,401	7,401	7,401				
7	Huyện Ngọc Hồi	8,635	8,635	8,635				
8	Huyện Sa Thầy	1,234	1,234	1,234				
9	Huyện Tu Mơ Rông	25,000	25,000			25,000		
10	Thành phố Kon Tum	5,860	5,860	5,860				

Phụ lục V

MỨC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Tỷ lệ đối ứng	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh <i>(bố trí tối đa)</i>	Ngân sách cấp huyện, xã <i>(bố trí tối thiểu)</i>	
A	TỔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG	129,870		64,927	34,987	29,940	
I	Ngân sách cấp tỉnh	65,187		34,987	34,987		
II	Ngân sách cấp huyện	64,683		29,940		29,940	
1	Huyện Đắk Glei	2,084		579		579	
2	Huyện Đắk Hà	3,003		1,288		1,288	
3	Huyện Đắk Tô	6,565		3,026		3,026	
4	Huyện Ia H'Drai	572		180		180	
5	Huyện Kon Plông	1,578		528		528	
6	Huyện Kon Rẫy	7,809		3,741		3,741	
7	Huyện Ngọc Hồi	8,767		4,330		4,330	
8	Huyện Sa Thầy	2,017		695		695	
9	Huyện Tu Mơ Rông	26,404		12,641		12,641	
10	Thành phố Kon Tum	5,884		2,932		2,932	

TT	Chương trình	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Tỷ lệ đối ứng	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (bố trí tối đa)	Ngân sách cấp huyện, xã (bố trí tối thiểu)	
B	CHIA THEO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH	129,870		64,927	34,987	29,940	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	8,003	10%	800	200	600	
I.1	Ngân sách cấp tỉnh	2,000	10%	200	200		
I.2	Ngân sách cấp huyện	6,003	10%	600		600	
1	Huyện Đắk Glei	1,159	10%	116		116	
2	Huyện Đắk Hà	536	10%	54		54	
3	Huyện Đắk Tô	640	10%	64		64	
4	Huyện Ia H'Drai	264	10%	26		26	
5	Huyện Kon Plông	653	10%	65		65	
6	Huyện Kon Rẫy	408	10%	41		41	
7	Huyện Ngọc Hồi	132	10%	13		13	
8	Huyện Sa Thầy	783	10%	78		78	
9	Huyện Tu Mơ Rông	1,404	10%	141		141	
10	Thành phố Kon Tum	24	10%	2		2	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	121,867		64,127	34,787	29,340	

TT	Chương trình	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Tỷ lệ đối ứng	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (bố trí tối đa)	Ngân sách cấp huyện, xã (bố trí tối thiểu)	
II.1	Vốn trong nước	58,680	100%	58,680	29,340	29,340	
1	Ngân sách cấp tỉnh		50%	29,340	29,340		
2	Ngân sách cấp huyện	58,680	50%	29,340		29,340	
-	Huyện Đăk Glei	925	50%	463		463	
-	Huyện Đăk Hà	2,467	50%	1,234		1,234	
-	Huyện Đăk Tô	5,925	50%	2,962		2,962	
-	Huyện Ia H'Drai	308	50%	154		154	
-	Huyện Kon Plông	925	50%	463		463	
-	Huyện Kon Rẫy	7,401	50%	3,700		3,700	
-	Huyện Ngọc Hồi	8,635	50%	4,317		4,317	
-	Huyện Sa Thầy	1,234	50%	617		617	
-	Huyện Tu Mơ Rông	25,000	50%	12,500		12,500	
-	Thành phố Kon Tum	5,860	50%	2,930		2,930	
II.2	Vốn nước ngoài	63,187		5,447	5,447		
1	Ngân sách cấp tỉnh	63,187		5,447	5,447		(1)

Ghi chú: (1) Theo Văn kiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn được phê duyệt kèm theo Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018 và Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách địa phương đối ứng (5.447 triệu đồng) tại Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum.

Phụ lục VI

ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Chỉ tiêu đã giao tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29/6/2022		Điều chỉnh chỉ tiêu giao nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025	
	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021- 2025 (nhận đầu đến năm 2025)	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021- 2025 (nhận đầu đến năm 2025)
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025				
Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn				
Tỷ lệ	Tỷ lệ xã (%)	51.2	Tỷ lệ thôn (%)	51.2